

**Phần 1: Lý thuyết, giải thích và ví dụ****1.1 Danh từ số nhiều là gì?**

Danh từ số nhiều là cách chúng ta nói về nhiều hơn một người, một vật, một nơi hoặc một ý tưởng.

- **Số ít:** chỉ một (vd: "book" - quyển sách).
- **Số nhiều:** chỉ từ hai trở lên (vd: "books" - những quyển sách).

**1.2 Các quy tắc thêm "số nhiều"**

Thầy sẽ chia sẻ cách để nhớ để các em không bị nhầm lẫn nhé:

**1. Danh từ số nhiều thường (Regular Plural Nouns)**

- **Thêm -s** vào hầu hết các danh từ:  
(cat → cats - con mèo → những con mèo)  
(car → cars - xe hơi → những chiếc xe hơi)
- **Thêm -es** nếu danh từ kết thúc bằng **-o, -s, -ch, -x, -sh, -z**:  
(bus → buses - xe buýt → những chiếc xe buýt)  
(box → boxes - cái hộp → những cái hộp)

Các em có thể nhầm câu "Ông Sáu Chạy Xe SH Zôm" để cho dễ nhớ.

**2. Danh từ bất quy tắc (Irregular Plural Nouns)**

Đây là nhóm cần ghi nhớ, vì không theo quy tắc cố định:

- Thay đổi nguyên âm: (man → men - người đàn ông → những người đàn ông)
- Thêm **-en**: (child → children - đứa trẻ → những đứa trẻ)
- Không thay đổi gì: (sheep → sheep - con cừu → những con cừu)

**3. Danh từ kết thúc bằng -y**

- Nếu trước **-y** là một **phụ âm**, đổi **-y** thành **-ies**:  
(baby → babies - em bé → những em bé)
- Nếu trước **-y** là một **nguyên âm**, chỉ thêm **-s**:  
(key → keys - chìa khóa → những chìa khóa)

Thầy Tuấn đã tổng hợp ra 20 danh từ bất quy tắc quan trọng nhất, các em cố gắng ghi nhớ nha!

poc.edu.vn - Toà NO6-B1, đường Thành Thái, Cầu Giấy  
0965.729.973 - Facebook.com/anhtuan1212

1. **man** → **men** (người đàn ông → những người đàn ông)
2. **woman** → **women** (người phụ nữ → những người phụ nữ)
3. **child** → **children** (đứa trẻ → những đứa trẻ)
4. **foot** → **feet** (bàn chân → những bàn chân)
5. **tooth** → **teeth** (răng → những chiếc răng)
6. **mouse** → **mice** (con chuột → những con chuột)
7. **goose** → **geese** (con ngỗng → những con ngỗng)
8. **person** → **people** (người → mọi người)
9. **fish** → **fish** (con cá → những con cá)
10. **sheep** → **sheep** (con cừu → những con cừu)
11. **deer** → **deer** (con nai → những con nai)
12. **ox** → **oxen** (con bò đực → những con bò đực)
13. **cactus** → **cacti** (cây xương rồng → những cây xương rồng)
14. **crisis** → **crises** (cuộc khủng hoảng → những cuộc khủng hoảng)
15. **phenomenon** → **phenomena** (hiện tượng → những hiện tượng)
16. **datum** → **data** (dữ liệu → các dữ liệu)
17. **louse** → **lice** (con chấy → những con chấy)
18. **series** → **series** (chuỗi, loạt → các chuỗi, loạt)
19. **species** → **species** (loài → các loài)
20. **aircraft** → **aircraft** (máy bay → những máy bay)

**Phần 2: Bài tập****Ex1. Give the Correct Plural Forms**

| Singular  | Plural |
|-----------|--------|
| 1. man    | _____  |
| 2. woman  | _____  |
| 3. child  | _____  |
| 4. tooth  | _____  |
| 5. goose  | _____  |
| 6. mouse  | _____  |
| 7. foot   | _____  |
| 8. cactus | _____  |

**Singular                  Plural**

9. fish                  \_\_\_\_\_
10. deer                \_\_\_\_\_

**Ex2. Choose the Correct One**

11. There are many \_\_\_\_\_ in the garden.
- ☐ a. butterfly
  - ☐ b. butterflies
12. The \_\_\_\_\_ are eating grass in the field.
- ☐ a. sheeps
  - ☐ b. sheep
13. The \_\_\_\_\_ is broken.
- ☐ a. glasses
  - ☐ b. glass
14. There are three \_\_\_\_\_ on the table.
- ☐ a. books
  - ☐ b. book
15. The \_\_\_\_\_ are playing outside.
- ☐ a. childs
  - ☐ b. children
16. Choose the correct form:
- ☐ There are many \_\_\_\_\_ on the wall.
  - ☐ a. photoes
  - ☐ b. photos
17. These \_\_\_\_\_ are delicious.
- ☐ a. apples
  - ☐ b. apple
18. Which is correct?
- ☐ a. I saw three mouses in the house.
  - ☐ b. I saw three mice in the house.
19. There are \_\_\_\_\_ in the basket.

- ☐ a. berries
  - ☐ b. berrys
20. The \_\_\_\_\_ are flying in the sky.
- ☐ a. birds
  - ☐ b. bird

**Ex3. Fill in the Gap with the Correct Noun Form**

21. There are three \_\_\_\_\_ in the room. (chair)
22. The \_\_\_\_\_ are barking loudly. (dog)
23. I saw some \_\_\_\_\_ in the garden. (butterfly)
24. The \_\_\_\_\_ are very heavy. (box)
25. The \_\_\_\_\_ are grazing in the field. (sheep)
26. He brushed his \_\_\_\_\_. (tooth)
27. The \_\_\_\_\_ are playing in the park. (child)
28. The \_\_\_\_\_ are working in the field. (ox)
29. The \_\_\_\_\_ we studied were very interesting. (phenomenon)
30. I saw a group of \_\_\_\_\_ crossing the river. (deer)

**HỌC GIỎI - NÓI HAY**